

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 356/2019/DS-ST

Ngày: 02-10-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 439/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 đường T, phường C, quận H, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 475 đường L, Phường 2, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, sinh năm: 1967. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Việt D, sinh năm 1976. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch Bình Tân, Chi nhánh T.

- Hoặc bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1984. Chức vụ: Chuyên viên phòng giám sát kinh doanh và xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 475 đường L, Phường 2, quận T, Thành phố H.

Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng, thi hành án số 221/2019/QĐ-LPB.TB ngày 22/5/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng M, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 102 đường B, tổ 4, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/5/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) - có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Việt D trình bày:

Ngày 10/7/2017, ông Nguyễn Đăng M ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 với Ngân hàng B, theo hợp đồng, số tiền Ngân hàng B cho ông M vay là 70.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng vốn tiêu dùng, lãi suất 14%/năm.

Ngày 04/8/2017, ông Nguyễn Đăng M ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 với Ngân hàng B, theo hợp đồng, số tiền Ngân hàng B cho ông M vay là 35.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng vốn tiêu dùng, lãi suất 14%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M chỉ trả được một phần nợ vay của 02 hợp đồng, tháng 02/2018 ông M tự ý chuyển lương hưu được nhận hàng tháng từ cơ quan Bảo hiểm Xã hội huyện C về tài khoản khác của ông M được mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng B đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông M thanh toán nợ vay nhưng ông M cố tình né tránh, không hợp tác giải quyết. Do ông M vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M trả một lần số tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng tính đến ngày 02/10/2019, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 ngày 10/7/2017: Nợ gốc: 58.674.000đ; Lãi trong hạn: 12.837.077đ. Lãi quá hạn: 2.003.523đ. Tổng cộng là: 73.514.600đ.

- Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 ngày 04/8/2017: Nợ gốc: 29.744.000đ; Lãi trong hạn: 6.269.141đ. Lãi quá hạn: 1.033.872đ. Tổng cộng là 37.047.013đ.

Ngoài ra từ ngày 03/10/2019, ông M còn phải thanh toán cho Ngân hàng B số tiền lãi phát sinh theo quy định của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Bị đơn là ông Nguyễn Đăng M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 29/5/2019, nguyên đơn là Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đăng M thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 ngày 10/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số

HĐTD512201777 ngày 04/8/2017, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông M cư trú tại số 102 đường B, tổ 4, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng B yêu cầu ông Nguyễn Đăng M thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 ngày 10/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 ngày 04/8/2017 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi của 02 hợp đồng là 110.561.613đ.

Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng, ông M chỉ thanh toán được cho Ngân hàng B được một phần tiền vay. Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng B cung cấp, Ngân hàng B đã nhiều lần thông báo, làm việc với ông M về việc trả nợ nhưng ông M không thực hiện, thể hiện qua các Biên bản làm việc ngày 21/02/2018, 12/4/2018, 08/5/2018, 06/7/2018, 10/10/2018, 14/01/2019 và 27/02/2019 và các Thông báo nợ quá hạn ngày 12/12/2018, 02/3/2018, 03/4/2018, 03/5/2018, 04/6/2018, 03/7/2018, 04/01/2018 và 20/02/2019, tại các biên bản làm việc và thông báo nợ quá hạn này ông M đều có cam kết trả nợ và ký tên tuy nhiên sau đó ông M không thực hiện. Việc ông M không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng B, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 ngày 10/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 ngày 04/8/2017 và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 ngày 10/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 ngày 04/8/2017 tổng cộng là 110.561.613đ của Ngân hàng B là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đăng M phải chịu án

phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho Ngân hàng B theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc ông Nguyễn Đăng M phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền nợ gốc và lãi tính của 02 Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201756 ngày 10/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 ngày 04/8/2017 tính đến ngày 02/10/2019 tổng cộng là 110.561.613đ (Một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm mười ba đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Ông Nguyễn Đăng M phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/10/2019 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong HĐTD512201756 ngày 10/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD512201777 ngày 04/8/2017 tính đến ngày 02/10/2019 đã ký giữa các bên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng M phải chịu án phí là 5.528.081đ (Năm triệu năm trăm hai mươi tám ngàn không trăm tám mươi một đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí là 2.600.921đ (Hai triệu sáu trăm ngàn chín trăm hai mươi một đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0022310 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**